



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-23) 8384 1642 – Fax: (84-23) 8384 4674

Mã số doanh nghiệp: 2900492398 – Website : <http://dnapharma.com.vn>.

THƯ MỜI HỌP

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Kính gửi: Quý Cổ đông:
Mã Cổ đông:
Số CMND/Hộ chiếu/GĐKDN:
Địa chỉ:
Số lượng cổ phần: cổ phần

Hội đồng quản trị (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An trân trọng kính mời Quý cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

1. Thời gian: 08h30 ngày 18 tháng 05 năm 2021
2. Địa điểm: Khách sạn Thăng Lợi, số 200 Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội
3. Nội dung Đại hội: theo chương trình họp đính kèm.
4. Tài liệu Đại hội:

Quý cổ đông vui lòng xem tài liệu đại hội từ ngày 14/04/2021 tại website của Công ty:
<http://dnapharma.com.vn/>

5. Thành phần tham dự:

Tất cả cổ đông hiện đang sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 09/04/2021. Cổ đông không thể tham dự họp có thể ủy quyền cho người khác tham dự bằng văn bản theo mẫu của Công ty.

6. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự:

Để thuận tiện cho công tác tổ chức, đề nghị cổ đông xác nhận tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội theo mẫu giấy xác nhận tham dự/ủy quyền kèm theo trước 16h00 ngày 17/05/2021 bằng cách gửi trực tiếp, đường bưu điện hoặc fax tới:

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-23) 8384 1642

Fax: (84-23) 8384 4674

Cổ đông đến dự vui lòng mang theo CMND/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền); Giấy giới thiệu (nếu đại diện cho cổ đông là tổ chức) và thư mời họp.

Trân trọng./.



PHẦN XÁC NHẬN THAM DỰ ĐẠI HỘI



Quý cổ đông (Mã Cổ đông:.....) xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An bằng cách đánh dấu (X) vào một trong các ô dưới đây:

- 1. Trực tiếp tham dự:
- 2. Ủy quyền tham dự:

Trường hợp Quý cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên vui lòng điền các thông tin ủy quyền theo mẫu Giấy ủy quyền đính kèm Thông báo mời họp và gửi trực tiếp hoặc qua Fax theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An

Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An

Điện thoại: (84-23) 8384 1642

Fax: (84-23) 8384 4674

....., ngày ... tháng ... năm 2021

Cổ đông ký tên

(người đại diện pháp nhân ký tên và đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

Số 16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0238.3841642

Fax: 0238.3844674

Mã số doanh nghiệp: 2900491298

Website: www.dnapharma.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021***Thời gian: 08h30 ngày 18 tháng 05 năm 2021**Địa điểm: Khách sạn Thăng Lợi, số 200 Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội*

THỜI GIAN	NỘI DUNG
08h30 – 09h00	<ul style="list-style-type: none">- Đón tiếp khách mời.- Kiểm tra tư cách cổ đông, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu.
09h00 – 09h10	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.- Chào cờ, tuyên bố lý do tổ chức Đại hội, khai mạc đại hội.- Giới thiệu đại biểu tham dự.
09h10 – 09h20	Thông qua Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu biểu quyết và bầu cử. Thông qua chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội.
09h20 – 09h30	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
09h30 – 09h35	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty.
09h35 – 09h45	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, kế hoạch năm 2021.
09h45 – 09h55	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020, kế hoạch năm 2021.
09h55 – 10h20	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình thông qua mức thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và dự toán thù lao cho HĐQT, BKS năm 2021.- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2020.- Tờ trình về lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán BCTC của Công ty năm 2021.- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ.- Tờ trình sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.- Tờ trình Quy chế hoạt động Hội đồng Quản trị.- Tờ trình Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.
10h20 – 10h30	<ul style="list-style-type: none">- Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.- Tổ chức bầu bổ sung thành viên HĐQT:<ul style="list-style-type: none">+ Thông qua Thẻ lệ bầu cử.+ Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT.+ Hướng dẫn và tổ chức bầu cử.
10h30 – 10h45	Thảo luận và biểu quyết thông qua các báo cáo, tờ trình Đại hội.
10h45 – 11h00	Nghỉ giải lao
11h00 – 11h10	Công bố kết quả bầu cử và ra mắt thành viên HĐQT mới.
11h10 – 11h20	Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11h20 – 11h30	Tuyên bố bế mạc Đại hội.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



....., ngày... tháng... năm 2021

GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Kính gửi: Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2021
Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

Bên ủy quyền:

Cổ đông: Mã cổ đông:
CMND/Giấy ĐKKD số: Ngày cấp: Nơi cấp:
Người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức):
Địa chỉ:
Điện thoại:
Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An
Số cổ phần bằng chữ:

Bên được ủy quyền:

Ông (Bà): Mã cổ đông (nếu có):
CMND số Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Hiện đang sở hữu/đại diện sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An
Số cổ phần bằng chữ:

Nội dung ủy quyền:

Số cổ phần ủy quyền.....cổ phần.

(Bằng chữ:.....)

Bên được ủy quyền thay mặt Bên ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông Thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An và bầu cử, phát biểu, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội; thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan khác của Bên ủy quyền tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi số cổ phần được ủy quyền. Số phiếu biểu quyết tính tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi kết thúc Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người thứ ba.

Bên ủy quyền hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại, khiếu kiện đối với Công ty.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Số: 11/2021/TB-HĐQT

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

THÔNG BÁO

*(Về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 - 2023)*

Kính gửi: Quý vị Cổ đông Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

Hội đồng quản trị Công ty đã nhận được Đơn từ nhiệm của 01 thành viên Hội đồng quản trị (“**HDQT**”). Để đảm bảo cơ cấu Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng thông báo đến Quý vị cổ đông có quyền dự họp về việc ứng cử, đề cử người có đủ điều kiện trở thành thành viên HDQT Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023 để bầu bổ sung thành viên HDQT Công ty theo các điều kiện, tiêu chuẩn và thủ tục như sau:

I. Số lượng bầu bổ sung thành viên HDQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Số lượng bầu bổ sung thành viên HDQT: 01 (một) thành viên.

II. Điều kiện ứng cử, đề cử tham gia bầu bổ sung thành viên HDQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023

1. Điều kiện trở thành thành viên HDQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị Công Ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

2. Điều kiện ứng cử, đề cử tham gia bầu bổ sung thành viên HDQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023:

Các cổ đông có thể gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Hội đồng quản trị:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến dưới 80% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng cử viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 08 (tám) ứng cử viên;

Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên vào Hội đồng quản trị hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định.

III. Hướng dẫn thủ tục và hồ sơ đề cử, ứng cử tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023

Hồ sơ đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên HĐQT của cổ đông hoặc nhóm cổ đông Công ty thỏa mãn các điều kiện trên bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT (theo mẫu).
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu).

Hồ sơ nêu trên được lập thành 01 bản và gửi chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc Đại hội theo địa chỉ sau:

Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0238.3841642

Fax: 0238.3844674

Trân trọng.

Nơi nhận:

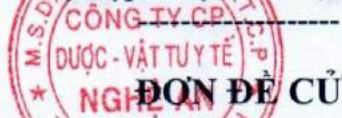
- Như kính gửi;
- Lưu: TCHC, HĐQT.



Đình Văn Đông

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN
CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ 2018 - 2023

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

Tôi/ chúng tôi, cổ đông của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An có tên dưới đây:

Mã số cổ đông	Tên cổ đông	Số cổ phần đang sở hữu tại Công ty
.....
.....
.....
.....
.....

Theo Thông báo số 11/2021/TB-HĐQT ngày 12/4/2021 về việc đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 – 2023, bằng đơn này tôi/ chúng tôi xin đề cử những người có tên như sau tham gia bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

**DANH SÁCH ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

Stt	Họ và tên	Số CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Vị trí đề cử
1.
2.

Tôi/ chúng tôi cam kết người được đề cử nêu trên không vi phạm các quy định của pháp luật và Công ty, đủ điều kiện tham gia HĐQT theo quy định của pháp luật và Công ty.

Tài liệu gửi kèm:

- Sơ yếu lý lịch của ứng cử viên.

Xin trân trọng cảm ơn ./.

....., ngày tháng năm 2021

Cổ đông ký tên

(người đại diện pháp nhân ký tên và đóng dấu)¹

¹ Bao gồm tất cả các cổ đông tham gia đề cử

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐƠN ỨNG CỬ

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN
CHO THỜI GIAN CÒN LẠI CỦA NHIỆM KỲ 2018 - 2023

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

Tôi tên là (tổ chức/cá nhân):

CMND/ĐKKD số:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:

Địa chỉ:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:..... cổ phần (Bằng chữ:.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá là:..... đồng.

Tôi xin ứng cử để tham gia bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu trở thành thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin cam kết đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

Tài liệu gửi kèm:

- SYLL của ứng cử viên và các bằng cấp liên quan.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Ngày tháng năm 2021

Cổ đông ký tên (người đại diện pháp nhân ký tên và đóng dấu)

Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SƠ YẾU LỊCH

**CỦA ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA VÀO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN (DNA PHARMA)**

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. Quốc tịch:
6. CMND/hộ chiếu số: ngày cấp nơi cấp
7. Dân tộc:
8. Quê quán:
9. Địa chỉ thường trú:
10. Số ĐT liên lạc ở cơ quan:
11. Trình độ văn hóa:
12. Trình độ chuyên môn:
13. Quá trình công tác:
+ Từ đến
- + Từ đến
14. Chức vụ công tác hiện nay tại DNA PHARMA:
15. Chức vụ công tác hiện nay tại tổ chức khác:
16. Số cổ phiếu nắm giữ:
17. Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu của DNA PHARMA:
18. Hành vi vi phạm pháp luật:
19. Những khoản nợ đối với Công ty:
20. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
(chính quyền địa phương hoặc cơ quan nơi cá nhân làm việc)

....., ngày tháng năm 2021
Ứng cử viên

Nghệ An, ngày 12 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

- Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020.
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“**Công ty**”).
- Thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020 và các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT Công ty, chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

Tại đại hội này tôi xin thay mặt ban điều hành Công ty xin báo cáo kết quả thực hiện hoạt động năm 2020 và trình đại hội các chỉ tiêu nhiệm vụ năm 2021.

Phần I :

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

I. Tình hình Công Ty năm 2020.

Năm 2020 hoạt động của Công Ty gặp nhiều khó khăn.

- Luật Dược và một số thông tư mới đã áp dụng trên phạm vi toàn quốc, nhiều thông tư hướng dẫn thay đổi, làm chậm trễ đăng ký thuốc và cấp quota, nhiều doanh nghiệp Dược sản xuất kinh doanh cũng như Công ty đang phải tìm hướng xử lý nên hoạt động cầm chừng hoặc tụt giảm.
- Dịch covid-19 làm nguyên liệu biến động lớn tăng đột biến, thiếu nguyên liệu trong sản xuất.
- Trong hoạt động kinh doanh ở các chi nhánh, hệ thống GPP dừng cấp phép mới để làm hệ thống kết nối liên thông quầy thuốc với dữ liệu Dược Quốc gia; một số quầy bán thuốc ở thành phố, thị xã không có DSDH kéo theo một số mậu dịch viên xin nghỉ bán hàng nên ảnh hưởng lớn đến doanh thu và hoạt động của Công ty.

- Mảng đấu thầu và cung ứng thuốc cho điều trị : Gặp khó khăn, doanh thu thấp; đối tác truyền thống lâu năm, có mối quan hệ lâu ngày tách ra tự đấu thầu hoặc sang các công ty khác.

- Công ty thay đổi HĐQT, cùng với do dịch nên dự án nhà máy GMP ngừng triển khai.

- Tư tưởng CBCNV và người lao động hoang mang.

- Đối với công tác sản xuất và xuất nhập khẩu nguyên liệu thuốc quản lý đặc biệt liên quan giữa các bộ ngành, phải thay đổi các hồ sơ pháp lý, chờ các thông tư hướng dẫn, Bộ Y tế mới gia hạn và cấp phép, làm ảnh hưởng tiến độ sản xuất kinh doanh.

Xác định những khó khăn như dự báo, ban điều hành Công ty đã nỗ lực cố gắng phấn đấu đánh giá tình hình thực tại của doanh nghiệp, vận hành hợp lý từng phần trong từng giai đoạn ngắn để điều hành doanh nghiệp phù hợp từng thời điểm, tháo gỡ khó khăn với mục đích giữ vững doanh nghiệp, tìm việc làm cho người lao động, cố gắng đáp ứng hiệu quả kinh doanh theo nghị quyết ĐHĐCĐ đã thông qua.

II. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT

Được sự quan tâm của Hội đồng quản trị công ty; với sự quyết tâm của toàn CBCNV, năm 2020 Công ty đạt được kết quả như sau :

- Doanh thu thuần: 213,48 tỷ đồng, đạt 69,4% so với kế hoạch, so với năm 2019 đạt 86,8%.

- Lợi nhuận trước thuế : 3,14 tỷ đồng đạt 22,2% so với kế hoạch, so với năm 2019 đạt 107,9%.

- Thu nhập B/Q người lao động: 5.500.000 đồng/người/tháng (không kể MDV khoán).

Đánh giá hoạt động SXKD năm 2020:

- Kinh doanh : Doanh thu toàn công ty còn thấp đạt 69,4% so với kế hoạch, nguyên nhân do giảm doanh thu:

+ Ảnh hưởng dịch Covid-19.

+ Bán hàng đấu thầu vào bệnh viện, hệ thống bán lẻ các chi nhánh bị cạnh tranh lớn và các đối tác lôi kéo.

- Về hàng sản xuất : mặc dù khó khăn do việc sản xuất, do xưởng đông dưng và thực phẩm chức năng đã phải ngừng hoạt động, nguyên liệu thuốc quản lý đặc biệt gần như không cấp quota, hàng sản xuất đạt 87,8% so với kế hoạch đề ra.

- Lợi nhuận : Trong điều kiện hoạt động rất khó khăn; với quyết tâm cao, tiết kiệm chi phí trong tất cả các khâu từ văn phòng công ty đến các chi nhánh để hoàn thành kế hoạch mà HĐQT cũng như đại hội cổ đông thông qua. Song lợi nhuận thấp do công ty phải chi trả

thuế đất khu Công nghiệp bắc Vinh... cũng như việc tăng thuế đất kể từ năm 2020 của UBND tỉnh Nghệ An.

- Tổ chức bộ máy : Đã tái cơ cấu tổ chức các phòng ban và khu vực nhà máy theo định hướng chỉ đạo của HĐQT, hoạt động ổn định, song công việc làm và thu nhập còn quá thấp.

- Hệ thống chi nhánh : Đã được củng cố và triển khai kết nối phần mềm liên thông giữa mậu dịch viên (Quầy GPP) với Dược Quốc Gia, bước đầu tạo ổn định tâm lý cho khối Mậu dịch viên.

Phần II : Chỉ tiêu kế hoạch và phương hướng năm 2021

• Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 :

Tổng doanh thu : 225,78 tỷ đồng, trong đó:

+ Doanh thu kinh doanh Dược - VTYT : 223,13 tỷ đồng

+ Doanh thu HĐ cho thuê BĐS: 2,65 tỷ đồng

- Lợi nhuận : 8,43 tỷ đồng (không bao gồm hoạt động tài chính), trong đó:

+ Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh Dược : 6,03 tỷ đồng

+ Lợi nhuận hoạt động cho thuê BĐS: 2,4 tỷ đồng

• Phương hướng năm 2021:

Tiếp tục đẩy mạnh doanh thu bán ra trên tất cả các mảng; đánh giá tình hình khó khăn của các mảng để có giải pháp kịp thời, hợp lý và có hiệu quả.

- Đối với mảng kinh doanh: Tập trung công tác đấu thầu 2021-2022.

- Đánh giá và chọn sản phẩm phù hợp, có doanh thu cao phục vụ cho hệ thống Mậu dịch viên các chi nhánh.

+ Kêu gọi và tạo điều kiện các đối tác vào liên doanh sản xuất tại nhà máy GMP.

+ Đánh giá khả năng thị trường hàng sản xuất sự biến động giá cả để dự trữ nguyên phụ liệu hợp lý phục vụ kịp thời cho sản xuất, tăng sức cạnh tranh.

+ Tìm các giải pháp và cơ chế hợp lý để thúc đẩy bán hàng sản xuất tại các chi nhánh nội bộ và thị trường ngoại tỉnh.

+ Hoàn thiện hệ thống kết nối liên thông Dược quốc gia đối với các quầy thuộc hệ thống chi nhánh.

+ Duy trì và phát triển hệ thống bán hàng tại các chi nhánh, có chính sách phù hợp để giữ vững và phát triển.

- Đối với mảng sản xuất:

+ Bám sát, triển khai gia hạn và xin số đăng ký Cục Quản lý Dược để duy trì danh mục hàng sản xuất năm 2021 theo thông tư 44/2014 và thông tư 32 có hiệu lực từ 01/1/2021 của Bộ Y tế. Đồng thời đáp ứng quota nhập khẩu nguyên liệu phục vụ kịp thời cho nhà máy.

+ Triển khai sản xuất vật tư y tế A, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Đối với mảng tài chính kế toán:
 - + Tăng cường công tác quản lý tiền, hàng ở các chi nhánh nội bộ.
 - + Tiếp tục hoàn thiện công tác quản lý tài chính kế toán theo yêu cầu của Ban Tài chính Tập đoàn.
 - + Có giải pháp để tăng cường thu hồi nhanh công nợ, chú ý tập trung mảng bán hàng vào khối điều trị.
- Đối với công tác tổ chức nhân sự:
 - + Khảo sát, đánh giá vị trí đất cho thuê, ký hợp đồng, gia hạn hợp đồng, giá cả phù hợp theo quy định của Chủ tịch HĐQT.
 - + Rà soát và thúc đẩy triển khai phương án trả lương hợp lý cho CBCNV để duy trì nhân sự trọng yếu của Công ty.
 - + Tiếp tục hoàn thiện việc tái cơ cấu một số chi nhánh để phù hợp với điều kiện hoạt động của doanh nghiệp.
 - + Bám sát và triển khai thực hiện tiến độ dự án xây dựng nhà máy sản xuất thuốc tại khu công nghiệp Bắc Vinh .

**TỔNG GIÁM ĐỐC**
NGUYỄN VĂN THẢO

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99.727.861.672	100.865.780.889
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.439.683.863	10.069.899.467
1. Tiền	111		8.439.683.863	10.069.899.467
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.514.290.545	39.570.740.683
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	49.341.491.893	40.196.360.750
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	3.054.539.028	509.846.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2.119.421.910	478.610.815
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1.001.162.286)	(1.614.077.002)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	37.402.607.664	50.101.575.296
1. Hàng tồn kho	141		37.917.626.076	50.332.921.218
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(515.018.412)	(231.345.922)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		371.279.600	1.123.565.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	147.710.079	21.628.207
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		223.569.521	1.101.341.236
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	0	596.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.602.796.499	39.636.162.013
I. Tài sản cố định	220		8.256.650.967	10.054.935.981
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	7.849.267.635	10.009.935.981
- Nguyên giá	222		49.053.979.092	49.053.979.092
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41.204.711.457)	(39.044.043.111)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	407.383.332	45.000.000
- Nguyên giá	228		494.453.000	85.953.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(87.069.668)	(40.953.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.10	29.947.225.590	28.926.805.590
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		29.947.225.590	28.926.805.590
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
IV. Tài sản dài hạn khác	260		398.919.942	654.420.442
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	398.919.942	654.420.442
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		138.330.658.171	140.501.942.902

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.496.748.231	59.899.214.238
I. Nợ ngắn hạn	310		50.257.034.073	54.298.945.699
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.11	33.602.223.624	34.753.279.015
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	133.758.510	69.188.631
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	1.445.897.202	712.618.302
4. Phải trả người lao động	314		2.427.606.335	2.728.606.579
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	1.355.093.526	970.137.837
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		194.462.203	26.181.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	1.054.923.767	615.701.091
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	9.730.000.000	13.806.691.261
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		313.068.906	616.541.165
II. Nợ dài hạn	330		5.239.714.158	5.600.268.539
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	4.898.714.158	5.249.268.539
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	341.000.000	351.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		82.833.909.940	80.602.728.664
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	82.833.909.940	80.602.728.664
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		423.999.999	423.999.999
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.176.430.973	14.609.446.986
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.233.478.968	5.569.281.679
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.775.504.098	3.301.345.731
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.457.974.870	2.267.935.948
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		138.330.658.171	140.501.942.902

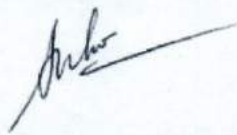
30
IN
GT
M
AV
I
C
PUN

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Anh Phương


Phan Sỹ Hùng


Nguyễn Văn Thảo

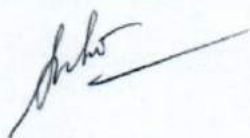
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	214.358.055.320	247.038.800.352
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	881.743.343	1.025.826.914
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	213.476.311.977	246.012.973.438
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	172.155.185.960	201.115.303.490
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		41.321.126.017	44.897.669.948
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	749.763.980	1.528.207.000
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	375.198.484	1.615.875.557
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		375.198.484	1.615.445.497
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	21.023.283.786	23.035.262.393
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	17.540.623.238	19.145.033.283
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		3.131.784.489	2.629.705.715
11. Thu nhập khác	31		14.398.216	384.709.644
12. Chi phí khác	32		5.328.803	104.596.339
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		9.069.413	280.113.305
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.140.853.902	2.909.819.020
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	682.879.032	641.883.072
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.457.974.870	2.267.935.948
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	409,66	377,99

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Thị Anh Phương

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Phan Sỹ Hùng

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.140.853.902	2.909.819.020
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	2.206.785.014	2.227.396.384
- Các khoản dự phòng	03		(329.242.226)	1.456.651.770
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		0	431.108
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(25.444.884)	(47.538.618)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	375.198.484	1.615.445.497
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.368.150.290	8.162.205.161
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(12.452.267.431)	20.337.697.271
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		12.415.295.142	16.354.336.096
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(53.298.447)	(20.895.028.565)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		129.418.628	107.571.540
- Tiền lãi vay đã trả	14		(375.198.484)	(1.627.373.281)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(641.883.072)	(1.285.622.213)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	0
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(530.265.853)	(1.213.802.137)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		3.859.950.773	19.939.983.872
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.428.920.000)	(1.030.808.182)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		0	0
3. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.444.884	47.538.618
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.403.475.116)	(983.269.564)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

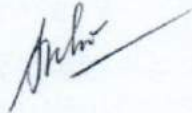
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền thu từ đi vay	33	8.763.849.500	31.930.937.523
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(12.850.540.761)	(41.298.636.885)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	(5.965.866.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.086.691.261)	(15.333.565.862)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50	(1.630.215.604)	3.623.148.446
Tiền và tương đương tiền đầu năm/kỳ	60	10.069.899.467	6.447.182.129
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	(431.108)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1 8.439.683.863	10.069.899.467

Hà Nội, ngày 08 tháng 01 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG




Nguyễn Thị Anh Phương

Phan Sỹ Hùng



Nguyễn Văn Thảo

Số: 12/2021/BC-HĐQT

Nghệ An, ngày 12 tháng 04 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty cổ phần Dược- Vật tư Y tế Nghệ An

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược-Vật tư Y tế Nghệ An (“*Công Ty*”);
- Căn cứ Nghị quyết số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2021 v/v kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thường niên năm 2021 về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 với các nội dung chính như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NĂM 2020

1. Đánh giá tình hình chung

- Năm 2020, tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty phải đối mặt với vô vàn khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh Covid-19. Đứng trước tình hình đó, HDQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn, trách nhiệm, nghĩa vụ theo Điều lệ của Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An và các quy định khác của pháp luật; phát huy tối đa vai trò lãnh đạo, chỉ đạo định hướng mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; bám sát, chỉ đạo quyết liệt, kịp thời đối với Ban điều hành nhằm thực hiện thành công các mục tiêu đề ra theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020, cơ bản và chủ yếu là đảm bảo việc làm, thu nhập của người lao động, đáp ứng đầy đủ, kịp thời, thường xuyên nhu cầu thuốc cho thị trường với cam kết chất lượng đảm bảo, giá cả ổn định, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị vì sức khỏe cộng đồng trên địa bàn tỉnh nhà và toàn quốc.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 đã được kiểm toán

- Doanh thu thuần: 213,48 tỷ đồng, đạt 69,4% so với kế hoạch, so với năm 2019 đạt 86,8%.
- Lợi nhuận trước thuế : 3,14 tỷ đồng đạt 22,2% so với kế hoạch, so với năm 2019 đạt 107,9%.
- Thu nhập B/Q người lao động: 5.500.000 đồng/người/tháng (không kể MDV khoán).
- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển 2019: 566.983.987 đồng;
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi 2019: 226.793.594 đồng.

- Đã thực hiện ký Hợp đồng kiểm toán số: 1220086/AISHN-TC ngày 10/12/2020 với Công ty TNHH Kiểm toán và dịch vụ tin học TP.HCM; Địa chỉ: 389A Điện Biên Phủ, Quận 3, Tp.HCM.

3. Các cuộc họp và Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công Ty

- Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công Ty, ĐHĐCĐ đã tiến hành miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với Ông Trần Đức Nam và bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT là Ông Phạm Tuấn Linh; các thành viên HĐQT đương nhiệm của Công Ty hiện có 03 thành viên, gồm:

- Ông Đinh Văn Đông - Chủ tịch HĐQT
- Bà Trần Thị Nguyệt - Thành viên
- Ông Phạm Tuấn Linh - Thành viên

- Hội đồng quản trị hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, thực hiện công tác chỉ đạo các hoạt động của Công ty thông qua việc ban hành các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT. HĐQT đã bám sát diễn biến của Công ty trong từng giai đoạn cụ thể để xây dựng kế hoạch sát với thực tế. Tất cả các cuộc họp đều được tiến hành đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công Ty với một số nội dung chính như sau:

- Thông qua việc triệu tập và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2020;
- Thông qua việc thay đổi nhân sự Chủ tịch HĐQT Công ty, ông Đinh Văn Đông là Chủ tịch HĐQT Công ty thay ông Trần Đức Nam kể từ ngày 30/3/2020;
- Thông qua việc thay đổi nhân sự Ban Điều hành Công ty: Miễn nhiệm bà Trương Thị Hoài Anh – Phó TGD từ tháng 10/2020; ông Nguyễn Văn Thảo tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công Ty sau khi nghỉ hưu;
- Các nội dung liên quan khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- HĐQT luôn đẩy mạnh hơn việc phân cấp, ủy quyền, đổi mới phương thức triển khai thực hiện theo hướng tăng cường phân cấp, phân quyền cho Ban Tổng Giám đốc, đồng thời gắn trách nhiệm cụ thể đối với đơn vị/cá nhân chịu trách nhiệm chính để nâng cao tính chủ động, hiệu quả, gắn với đề cao tính trách nhiệm trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh, tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật.

- Để đảm bảo và nâng cao chất lượng các cuộc họp, tại các cuộc họp, Chủ tịch HĐQT đã phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng cho các thành viên HĐQT, các tiểu ban/bộ phận liên quan thẩm định, soát xét các nội dung trình HĐQT. Trên cơ sở đó đề HĐQT đưa ra các Nghị quyết/Quyết định đúng đắn, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty. Các cuộc họp quan trọng của HĐQT có mời hoặc có sự tham gia ý kiến của Ban điều hành, Ban Kiểm soát để trao đổi, thảo luận và tạo sự nhất trí cao trong các định hướng kinh doanh. Hội đồng quản trị cũng tạo điều kiện và chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát tại Công ty nhằm mục đích tạo sự thống nhất trong chỉ đạo của HĐQT và công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ tích cực Ban điều hành hướng tới hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

- Các thành viên HĐQT được phân công tại các mảng công tác luôn phát huy vai trò, trách nhiệm, thường xuyên bám sát, soát xét, thẩm định các nội dung được phân công.

4. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2020:

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, Công ty đã chi trả thù lao cho HĐQT Công Ty với tổng số tiền: 180.146.520 đồng, cụ thể như sau:

- Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 3.000.000 đồng/người/tháng.

5. Đánh giá các hoạt động khác của Công ty

Hoạt động của Công ty năm 2020 và tính đến thời điểm hiện tại là vô cùng khó khăn, khi các chính sách quản lý từ vĩ mô thay đổi, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Mảng đầu thầu và cung ứng thuốc cho điều trị: Gặp khó khăn, doanh thu thấp; đối tác truyền thống lâu năm tách ra tự đầu thầu hoặc sang các công ty khác.
- Hệ thống bán lẻ các Chi nhánh: tiếp tục phải đối mặt với nguy cơ lực lượng lao động chính là mậu dịch viên xin nghỉ việc. Ban Điều hành cần phải rà soát, xây dựng cơ chế phù hợp để thu hút người lao động làm việc cho Công Ty.
- Về hàng sản xuất: do xưởng đông dục và thực phẩm chức năng đã phải ngừng hoạt động, nguyên liệu thuốc quản lý đặc biệt gần như không cấp quota, hàng sản xuất đạt 87,8% so với kế hoạch đề ra.

5. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc, người điều hành và cán bộ quản lý Công ty

- Năm 2020, Hội đồng quản trị thực hiện nghiêm túc việc chỉ đạo, giám sát đồng thời song hành trong các hoạt động của Ban Điều hành. Đối với các cuộc họp liên quan đến hoạch định chính sách, triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị sẽ cử đại diện tham dự các cuộc họp với Ban Điều hành, các cán bộ quản lý nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Điều hành, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị gián đoạn và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty.
- Năm 2020, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý Công Ty đã thực hiện đầy đủ các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong điều kiện khó khăn hiện nay, Ban điều hành cần phải nỗ lực khắc phục tình hình để tiếp tục sản xuất; Đối với lĩnh vực kinh doanh phải chủ động, linh hoạt thay đổi cơ chế kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, mở rộng liên doanh liên doanh, liên kết, đối tác khách hàng nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Đại hội đồng cổ đông 2020 thông qua. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, khi có những vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền giải quyết, Ban Điều hành cần phải kịp thời báo cáo, trình HĐQT/Chủ tịch HĐQT phê duyệt các chủ trương, quyết sách để hoàn thành nhiệm vụ đề ra.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2021

1. Hội đồng quản trị chỉ đạo, giám sát và phối hợp chặt chẽ với Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 sau khi được ĐHĐCĐ phê duyệt với các chỉ tiêu chính như sau:

- Tổng doanh thu : 225,78 tỷ đồng, trong đó:
- + Doanh thu kinh doanh Dược - VTYT : 223,13 tỷ đồng;
- + Doanh thu HĐ cho thuê BĐS: 2,65 tỷ đồng;
- Lợi nhuận : 8,43 tỷ đồng (không bao gồm hoạt động tài chính), trong đó:
- + Lợi nhuận hoạt động sản xuất kinh doanh Dược : 6,03 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận hoạt động cho thuê BĐS: 2,4 tỷ đồng.

2. Kế hoạch hoạt động HĐQT năm 2021

Hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021 dự báo vẫn tiếp tục khó khăn do dịch Covid – 19 gây ra, nhưng với mục tiêu thay đổi và đổi mới HĐQT xác định trọng tâm chỉ đạo là thay đổi và quyết liệt thay đổi, chủ động, linh hoạt trong công tác quản lý, điều hành, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, hoàn thành các chỉ tiêu được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 giao.

- Về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh và công tác đầu tư phát triển

- + Đẩy nhanh tiến độ triển khai xây dựng nhà máy sản xuất thuốc Đông Dược, tân dược, thực phẩm chức năng tại Khu công nghiệp Bắc Vinh, Tỉnh Nghệ An;
- + Chỉ đạo Ban điều hành đẩy mạnh công tác phát triển thị trường, đặc biệt thị trường ngoại tỉnh đối với hàng Công ty sản xuất; tìm giải pháp để bù đắp kế hoạch do việc trúng thầu thấp; khắc phục tình hình để tiếp tục sản xuất.
- + Đổi mới cơ chế cung ứng hàng cho các chi nhánh, bằng mọi cách phải giữ vững và phát triển hệ thống bán lẻ tại chi nhánh.

2. Công tác tài chính

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát nợ để tránh rủi ro thất thoát vốn, bổ sung hoàn thiện các qui định quản lý tài chính triển khai xây dựng các định mức chi phí hợp lý tiết kiệm để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tham mưu các chính sách về cơ chế bán hàng nội, ngoại tỉnh; cơ chế quản lý chi nhánh.

3. Các công tác khác

+ Tiếp tục rà soát để xây dựng và sửa đổi, hoàn thiện quy chế, quy định nội bộ trong Công ty để đảm bảo yêu cầu về quản lý và quá trình vận hành hoạt động SXKD của Công ty được ổn định và phát triển.

- Triển khai thực hiện tốt các Nghị quyết, Quyết định ĐHĐCĐ giao phó.
- HĐQT Công ty tăng cường giám sát, phối hợp và chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện các nhiệm vụ và kế hoạch tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
- Trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi; Quy chế hoạt động HĐQT phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

III. Kết luận: Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về việc đánh giá kết quả hoạt động của Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An năm 2020; kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2021. HĐQT kính trình ĐHĐCĐ thông qua toàn văn báo cáo.

Hội đồng quản trị xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ của các Quý vị cổ đông, đặc biệt là các Quý cổ đông lớn; toàn bộ cán bộ nhân viên, sự hỗ trợ của các ban, ngành, các đối tác để Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế có thêm động lực hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty, xin kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Nhu
- HĐQT, BKS
- Lưu HĐQT, VT



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC -
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Số: 07/2021/BC - BKS



Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An;
- Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An;
- Căn cứ tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An, Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và tình hình hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. HCM.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Nghệ An xin báo cáo trước Đại hội cổ đông các nội dung chính như sau:

I. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2020

1. Về thù lao Ban kiểm soát năm 2020:

Năm 2020, Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua dự toán mức thù lao Ban kiểm soát. Mức thù lao này được áp dụng ổn định cho các thành viên BKS trong năm 2020, cụ thể:

- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát : 1.500.000 đồng/người/tháng

2. Các cuộc họp, hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, bao gồm các nội dung chính như sau:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2020;
- Giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành;
- Giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật Nhà nước;
- Rà soát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ tại Công ty theo chương trình làm việc của Ban kiểm soát;
- Thực hiện thẩm định báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, Báo cáo tài chính, Báo cáo quản trị của Công ty, có ý kiến đóng góp để Công ty khắc phục kịp thời đảm bảo

các báo cáo được lập theo đúng quy định, phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Công tác kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban kiểm soát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

1. Tình hình tài chính của Công ty năm 2020

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2020	31/12/2019	Chênh lệch	%Chênh lệch
		1	2	3=1-2	4=3/2
A	Tổng tài sản	138,33	140,50	-2,17	-1,54%
1	Tài sản ngắn hạn	99,73	100,86	-1,13	-1,12%
2	Tài sản dài hạn	38,60	39,64	-1,04	-2,62%
B	Tổng nguồn vốn	138,33	140,50	-2,17	-1,54%
1	Nợ phải trả	55,50	59,90	-4,4	-7,35%
	- Nợ ngắn hạn	50,26	54,30	-4,04	-7,44%
	- Nợ dài hạn	5,24	5,60	-0,36	-6,43%
2	Vốn chủ sở hữu	82,83	80,60	2,23	2,77%

Về biến động tài sản, nguồn vốn trong năm: Tổng tài sản, nguồn vốn vào thời điểm cuối năm giảm 1,54% so với đầu năm. Nguyên nhân chủ yếu do Hàng tồn kho của Công ty thiếu nguyên vật liệu để sản xuất (không đặt hàng kịp, một số nguyên vật liệu không nhập khẩu được), công nợ phải trả người bán và nợ vay giảm. Theo đó tổng tài sản và tổng nguồn vốn cũng giảm.

2. Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2020

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	% thực hiện KH2020	% Tăng trưởng
		(1)	(2)	(3)	(4)=(1)/(3)	(5)=(1)/(2)
1	Doanh thu thuần	213,48	246,01	307,51	69,4%	86,8%
2	Lợi nhuận trước thuế	3,14	2,91	14,17	22,2%	107,9%
3	Lợi nhuận sau thuế	2,46	2,27			108,4%
4	Biên LNST/Vốn điều lệ	4,1%	3,8%			107,9%

Trong năm 2020, doanh thu chỉ đạt 69,4% kế hoạch năm 2020, bằng 86,8% so với năm 2019, lợi nhuận trước thuế đạt 22,2% kế hoạch năm 2020, bằng 107,9% so với năm 2019.

Tình hình kết quả kinh doanh trong năm 2020 không đạt chủ yếu do:

- Ảnh hưởng của dịch COVID19 nên công tác bán hàng không được ổn định, doanh thu giảm (giảm chủ yếu hàng sản xuất và gia công ở kênh OTC). Ngoài ra, việc nhập khẩu nguyên vật

liệu sản xuất bị gián đoạn, ảnh hưởng đến sản xuất, cụ thể: Nhóm Nguyên liệu kiểm soát đặc biệt (chiếm 27% - 30% doanh số) Bộ y tế hạn chế cấp Quota nhập khẩu và một số sản phẩm bán kèm bị giảm, công tác đặt hàng của công ty chưa kịp thời dẫn đến thiếu một số NVL để sản xuất. Ngoài ra một số sản phẩm không được cấp phép để sản xuất tiếp.

- Giảm số lượng MDV/Đại lý: 552 đối tượng so với năm 2019 (Năm 2019: 620 đại lý, 460 MDV; Năm 2020: 528 MDV, không còn đại lý). Số đại lý giảm do không đạt điều kiện kết nối liên thông quầy thuốc theo quy định.

3. Thẩm định báo cáo tài chính của Công ty và sổ sách kế toán

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. HCM với ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán Việt nam và các quy định hiện hành.

III. TÌNH HÌNH TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY, NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

Trong năm 2020, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật. Công ty thực hiện chấp hành đúng các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông.

IV. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Các nghị quyết của HĐQT đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của HĐQT và nội dung của các Nghị quyết này tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội cổ đông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

HĐQT tổ chức họp định kỳ và bất thường do Chủ tịch HĐQT chủ trì, thường xuyên mời Ban kiểm soát tham gia trong các cuộc họp triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông; Thảo luận và quyết nghị những vấn đề quan trọng, giải quyết những vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Ban kiểm soát ghi nhận HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CỔ ĐÔNG

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ của các cổ đông, HĐQT, Ban điều hành, các cán bộ quản lý. Ban kiểm soát đã nhận được đầy đủ các thông tin, báo cáo tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát cũng như cử cán bộ làm việc với Ban kiểm soát khi có yêu cầu. AV

VI. KIẾN NGHỊ

- Công ty cần nỗ lực hơn nữa trong công tác nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, mở rộng và phát triển hàng sản xuất của Công ty ra thị trường ngoại tỉnh nhằm phát triển thương hiệu của Công ty cũng như đem lại lợi ích cho các cổ đông.
- Xây dựng các chính sách bán hàng và cơ chế quản lý để nâng cao sức cạnh tranh tại địa bàn bán lẻ và đầu tư vào các cơ sở điều trị trong và ngoại tỉnh.
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát công nợ để tránh rủi ro thất thoát vốn.
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành cần tiếp tục tổ chức lại bộ máy quản lý, sản xuất, nhân sự các phòng ban, chi nhánh theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
- Tiếp tục sửa đổi, bổ sung các quy trình, quy định về quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn kịp thời các rủi ro có thể xảy ra theo các kiến nghị, hướng dẫn của Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm soát tại các đợt kiểm soát định kỳ trong năm 2020 tại Công ty.

VII. KẾ HOẠCH KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2021

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, tình hình thực hiện các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Hội Đồng Quản trị.
- Thực hiện việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc theo quy định của Điều lệ Công ty.
- Giám sát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh, các dự án đầu tư, khai thác tài sản trong năm 2021.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm của Công ty. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý và sử dụng vốn của Công ty.
- Kiểm tra và đánh giá hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty; Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí.
- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các phòng/ban, đơn vị trực thuộc để triển khai, kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty hiệu quả hơn.

Ban kiểm soát xin cảm ơn Quý vị Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các Phòng/Ban đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật và hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao.

Kính chúc Quý vị cổ đông sức khỏe, hạnh phúc, thành công. Chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

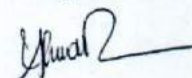
Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đại hội Cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban kiểm soát.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Trưởng BKS



Bùi Thị Thuận

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua quyết toán thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2020
và kế hoạch thù lao của thành viên HĐQT, BKS năm 2021)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("Công Ty");
- Căn cứ Nghị quyết số: 08/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 18/03/2021 v/v Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua quyết toán thù lao năm 2020 đối với thành viên Hội đồng quản trị ("HĐQT"), Ban kiểm soát ("BKS") và kế hoạch thù lao đối với thành viên HĐQT, BKS Công Ty năm 2021, cụ thể như sau:

1. Quyết toán thù lao cho thành viên HĐQT và BKS Công Ty năm 2020 là: **268.212.454** đồng.
 - 1.1 Tổng thù lao HĐQT năm 2020: **180.146.520** đồng/năm.
 - 1.2 Tổng thù lao BKS năm 2020: **88.065.934** đồng/năm.
2. Dự toán thù lao cho thành viên HĐQT, BKS Công Ty năm 2021 như sau :
 - 2.1 Hội đồng quản trị :
 - + Chủ tịch HĐQT: **5.000.000** đồng/tháng.
 - + Thành viên HĐQT: **3.000.000** đồng/tháng.
 - 2.2 Ban kiểm soát :
 - + Trưởng BKS: **3.000.000** đồng/tháng.
 - + Thành viên BKS: **1.500.000** đồng/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC, HĐQT.



TỜ TRÌNH

(V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
CÔNG TY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("Công Ty");
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán của Công ty;
- Căn cứ Nghị quyết số: 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2021 v/v Kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Công Ty;

Hội đồng quản trị Công ty CP Dược – VTYT Nghệ an kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau :

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN 2020	2.457.974.870
2	Phân phối lợi nhuận	860.291.205
2.1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% LNST)	245.797.487
2.2	Quỹ đầu tư phát triển (25% LNST)	614.493.718
3	Chia cổ tức	0
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1.597.683.665

Lợi nhuận còn lại chưa phân phối năm 2020 của Công Ty là: 1.597.683.665 đồng để dự phòng tài chính cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác đầu tư dự án của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC, HĐQT.



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

Số: 15/2021/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CP DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("Công Ty");
- Căn cứ Nghị quyết số: 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/03/2021 v/v kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;

Để đảm bảo tính khách quan, toàn diện trong công tác kiểm toán đối với hoạt động kinh doanh của Công Ty và nhằm minh bạch cũng như đảm bảo quyền lợi của các cổ đông Công Ty, Hội đồng quản trị Công ty CP Dược - VTYT Nghệ An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, cụ thể như sau:

- Căn cứ vào danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo Danh mục của Bộ tài chính có các tiêu chí chất lượng, uy tín, giá chào cạnh tranh và sự hỗ trợ từ đơn vị kiểm toán đối với Công ty để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.
- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công Ty sau khi đã có ý kiến đề xuất của Ban kiểm soát và theo tiêu chí danh sách các đơn vị kiểm toán đủ điều kiện như trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua !

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ; CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu TCHC, HĐQT.



TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“*Công Ty*”);
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (“*HĐQT*”) số 08/NQ-HĐQT ngày 18/03 /2021 về kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021;

Để phản ánh và cập nhật những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty, HĐQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công Ty (*Dự thảo đính kèm*).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động sửa đổi, bổ sung của Công Ty và thực hiện các thủ tục cần thiết có liên quan theo quy định.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Số: 17/2021/TT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị nội bộ của Công ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“**Công Ty**”);
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (“**HDQT**”) số 08/NQ-HĐQT ngày 18/03 /2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021,

Để phản ánh và cập nhật những quy định mới của pháp luật, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát, xem xét sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty, HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“**ĐHĐCĐ**”) của Công Ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sửa đổi, bổ sung (*Dự thảo đính kèm*).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi, bổ sung Công Ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HDQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC –
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN
Số: 18/2021/TT-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

(V/v: thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“Công Ty”);
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị (“HDQT”) số 08/NQ-HDQT ngày 18/03 /2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021,

Để phản ánh và cập nhật những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty, HDQT kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (“ĐHĐCĐ”) của Công Ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty (Dự thảo đính kèm).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công Ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HDQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.



TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018-2023)

Kính trình: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("Công Ty");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/3/2021 v/v kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2020;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm thành viên HĐQT của Ông Đinh Văn Đông;

Hội đồng quản trị Công ty CP Dược - Vật tư Y tế Nghệ An kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua các nội dung sau :

1. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018- 2023 đối với Ông Đinh Văn Đông.
2. Thông qua số lượng bầu bổ sung thành viên HĐQT của Công Ty cho thời gian còn lại nhiệm kỳ 2018- 2023 là 01 thành viên thay thế 01 thành viên đã từ nhiệm.
3. Căn cứ vào hồ sơ ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông tiến hành bầu bổ sung thành viên HĐQT Công Ty cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua !

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;CBTT;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC -
VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Số: 03/2021/TT-HDQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 12 tháng 4 năm 2021



TỜ TRÌNH

(V/v: ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

**Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán 2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An ("**Công Ty**");
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị ("**HDQT**") số 08/NQ-HDQT ngày 18/03 /2021 về kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021;

Để phản ánh và cập nhập những quy định mới của pháp luật cũng như để phù hợp với tình hình thực tế của Công Ty, Ban kiểm soát đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty, BKS kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ("**ĐHĐCĐ**") của Công Ty thông qua các nội dung sau:

- ĐHĐCĐ thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty (*Dự thảo đính kèm*).
- ĐHĐCĐ ủy quyền cho Ban kiểm soát Công Ty tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công Ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- HDQT, BKS, TGD;
- Lưu VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

BÙI THỊ THUẬN



Nghệ An, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết ngày tháng năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 CTCP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An)

CHƯƠNG 1.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp và mối quan hệ giữa thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) “Công Ty” được hiểu là Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An.
- b) “Quản trị Công Ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công Ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông, người lao động và những người liên quan đến Công Ty.
- c) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty cổ phần
- d) “Cấp có thẩm quyền” được hiểu là ĐHDCĐ hoặc HĐQT Công Ty tùy từng trường hợp cụ thể.
- e) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- f) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- g) “Người đại diện theo ủy quyền” được hiểu là cá nhân được Cổ đông là tổ chức của Công Ty ủy quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền của Cổ đông đó tại Công Ty theo quy định Pháp luật.

- h) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;
- i) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Tổng Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;
- j) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k) “ĐHĐCĐ” là Đại hội đồng cổ đông Công Ty;
- l) “HĐQT” là Hội đồng quản trị Công Ty;
- m) “BKS” là Ban kiểm soát Công Ty;
- n) “Pháp luật” được hiểu là tất cả các văn bản quy phạm Pháp luật có liên quan được ban hành, công bố và áp dụng đối với Công Ty tại từng thời điểm.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc quản trị công ty

Nhằm đảm bảo cho Công ty điều hành và kiểm soát một cách hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty, các nguyên tắc quản trị gồm:

1. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
2. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
3. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
4. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
5. Công khai, minh bạch mọi hoạt động của Công ty;

CHƯƠNG 2.

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - 2.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
 - b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
 - c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

đ) Kế hoạch kinh doanh hàng năm;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền

2.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

đ) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;

f) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

i) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

n) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

o) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;

p) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

q) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của Công Ty và ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ.

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị các nội dung sau:

a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông, được công bố trên website của Công Ty, gửi Trung tâm Lưu ký chứng khoán (VSD) và công bố thông tin theo quy định.

b. Danh sách cổ đông có quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Cổ đông có quyền dự họp là cổ đông có tên trong danh sách cổ đông của Công Ty vào ngày chốt danh sách cổ đông được quyền tham dự ĐHĐCĐ.

- Các tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng cổ phần trong thời gian từ ngày chốt danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công Ty thì người nhận chuyển nhượng không được tham dự, phát biểu và biểu quyết cuộc họp ĐHĐCĐ tại thời điểm đó.

c. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu và các công việc khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

3. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thời gian và địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên (nếu có) trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- Phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Công Ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 8. Cách thức đăng ký và ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong Thư mời họp, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi bằng đường bưu điện hoặc gửi thư điện tử cho Công Ty trước thời hạn ghi trong Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Nếu cổ đông không thể tham dự Đại hội thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Công Ty và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết trong suốt quá trình diễn ra Đại hội. Mỗi cổ đông/đại diện cổ đông phải xuất trình giấy tờ pháp lý của cá nhân, Thư mời tham dự, Giấy ủy quyền (nếu được ủy quyền) với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông để đăng ký và nhận Phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) theo quy định của Công Ty.
4. Tất cả các cổ đông, đại diện cổ đông đã làm các thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia, phát biểu ý kiến trong nội dung chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký tham dự và có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký tham dự đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
5. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 9. Điều kiện tiến hành họp và hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.
 - a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
 - c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định

họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều 23, 24 Điều lệ Công Ty.

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

1. Hình thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội:

a. Đại hội đồng cổ đông có thể biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình đại hội bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và/hoặc thu Thẻ biểu quyết hoặc hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Thẻ biểu quyết là phiếu in sẵn theo mẫu của Ban tổ chức, có đóng dấu của Công Ty được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội.

b. Tại mỗi kỳ họp, Đại hội đồng cổ đông quyết định cách thức bỏ phiếu tại Đại hội như sau:

(i) Sử dụng hai loại Thẻ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:

- Thẻ biểu quyết chung đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua liên quan đến trình tự, thủ tục tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết chung có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội.
- Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong Thẻ biểu quyết này có các thông tin về: mã số cổ đông, số cổ phần của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông tham dự Đại hội, các nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông Công Ty.

(ii) Sử dụng một loại Thẻ biểu quyết chung tại đại hội: các cổ đông sử dụng Thẻ biểu quyết chung để biểu quyết tất cả các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình gồm:

- Biểu quyết tán thành hoặc
- Biểu quyết không tán thành hoặc
- Biểu quyết không có ý kiến.

2. Các cách thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề hoặc giơ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.

- Biểu quyết bằng hình thức thu Thẻ biểu quyết (trong trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông): Cổ đông điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung, cổ đông chọn một trong ba phương

án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

- Bỏ phiếu điện tử: được thực hiện theo quy định tại Quy định bỏ phiếu điện tử tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có).

4. Mỗi Thẻ biểu quyết của Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông thực hiện việc kiểm phiếu ngay sau khi việc biểu quyết kết thúc.

2. Sau khi kết thúc việc giao Thẻ biểu quyết chung đối với từng nội dung cần thông qua tại Đại hội, Ban Kiểm phiếu thực hiện kiểm đếm và công bố kết quả biểu quyết ngay tại Đại hội đối với các vấn đề đã được biểu quyết.

3. Trường hợp thu Thẻ biểu quyết và phiếu bầu cử, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền bỏ phiếu vào hòm phiếu được Ban tổ chức chuẩn bị và các cổ đông thực hiện theo phương thức bỏ phiếu kín tại Đại hội. Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm phiếu các nội dung biểu quyết, bầu cử và công bố kết quả biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại Đại hội. Nội dung Biên bản kiểm phiếu gồm:

- Tổng số phiếu phát ra, Tổng số phiếu thu về;
- Tổng số phiếu hợp lệ, Tổng số phiếu không hợp lệ;
- Số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến, số phiếu có ý kiến khác đối với từng vấn đề.
- Các nội dung được Đại hội đồng cổ đông thông qua, không thông qua theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

2. Biên bản kiểm phiếu phải có chữ ký của Trưởng Ban Kiểm phiếu và Thư ký. Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được Ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 13. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 23 Điều lệ Công Ty.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngày cấp và nơi cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại Đại hội là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công Ty.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, danh sách cổ đông tham dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên

quan của kỳ họp đại hội cổ đông gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết ĐHĐCĐ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
2. Công Ty phải tổ chức công bố thông tin về Đại hội đồng cổ đông theo quy định công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.
3. Trình tự, thủ tục lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến, yêu cầu, cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 147 và Điều 149 của Luật Doanh nghiệp, Điều 24 Điều lệ Công Ty.
4. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
6. Quyết định được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 17: Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng một trong các hình thức trên được thực hiện theo quy chế tổ chức họp tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đó.

CHƯƠNG 3.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết

định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, Quy chế Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua,;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 19. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành các đơn vị trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Thành phần, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có tối thiểu là 03 người. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời kỳ. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT mới được bầu và tiếp quản công việc.
2. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 21. Tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên HĐQT có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 22. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty

1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị Công Ty theo quy định tại Điều lệ Công Ty.
2. Hội đồng quản trị gửi mẫu đơn ứng cử, đề cử được gửi cùng Thư mời họp ĐHĐCĐ hoặc đăng tải mẫu đơn ứng cử, đề cử trên website của Công Ty theo đúng thời hạn quy định.
3. Cổ đông đủ điều kiện ứng cử đề cử phải gửi Đơn ứng cử, đề cử và nhóm cổ đông phải gửi Biên bản họp nhóm cổ đông hợp lệ, Đơn đề cử cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị Công Ty khi thực hiện các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông để đề cử, ứng cử người vào HĐQT theo quy định.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các ứng cử viên bầu vào HĐQT trước khi tiến hành bầu cử theo quy định pháp luật.

Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên HĐQT, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước

khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các thông tin khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

2. Trường hợp chưa xác định được trước ứng viên HĐQT, tại cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT phải thông báo danh sách ứng cử viên HĐQT cũng như các thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT để ĐHĐCĐ có căn cứ lựa chọn, bầu các ứng viên vào HĐQT Công Ty.

3. Cách thức bầu cử thành viên HĐQT:

- Bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc phương thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi kỳ họp.

- Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:

+ Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên HĐQT và đảm bảo số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

- Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công Ty.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công Ty.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ Công Ty và theo quy định pháp luật.

2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay

thể thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước 21 (hai mươi mốt) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định khác.

2. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT phải có các nội dung cơ bản sau:

- Danh sách các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm;
- Số lượng thành viên HĐQT bầu bổ sung;
- Điều kiện để trở thành thành viên HĐQT;
- Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên HĐQT;
- Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia thành viên HĐQT;
- Biểu mẫu ứng cử, đề cử ứng viên thành viên HĐQT và thời hạn gửi hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên tham gia HĐQT của các cổ đông.

CHƯƠNG 4.

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HĐQT

Điều 26. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT (nếu HĐQT thấy cần thiết) và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên tiến hành bầu lại trong số họ và chọn một (01) người có số phiếu cao nhất để triệu tập cuộc họp HĐQT.

2. HĐQT có thể họp định kỳ hoặc bất thường tại trụ sở chính của Công Ty hoặc nơi khác. Cuộc họp định kỳ của HĐQT cho Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý của Công Ty;
- c. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Thông báo mời họp HĐQT:

- a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- b. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

6. Hình thức cuộc họp HĐQT

Cuộc họp HĐQT được tổ chức họp trực tiếp hoặc dưới hình thức khác như: họp trực tuyến, ; hình thức liên lạc điện thoại hoặc hình thức điện tử khác... Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức liên lạc điện thoại hoặc họp trực tuyến, hoặc hình thức điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

7. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 27. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện (người được ủy quyền) tham dự họp. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 28. Cách thức biểu quyết và thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 18 Điều lệ Công Ty;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử

khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Các quyết định và Nghị quyết của HĐQT được thông qua khi có đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

3. Thành viên HĐQT không trực tiếp tham dự có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu kín gửi đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc cuộc họp, phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở ra trước sự chứng kiến của tất cả những người tham dự họp. Trường hợp Phiếu biểu quyết không được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định trên, Phiếu biểu quyết này vẫn có giá trị nếu đa số Thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp không phản đối.

4. Thành viên HĐQT sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng, giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết. Thành viên HĐQT liên quan đến hợp đồng, giao dịch như quy định tại khoản 1 điều 167 Luật doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích trong hợp đồng, giao dịch đó.

5. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

6. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 29. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

2. Các thành viên HĐQT có thể được lưu giữ bản gốc Biên bản cuộc họp HĐQT nếu có yêu cầu và được Chủ tịch HĐQT chấp thuận.

3. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công Ty.

Điều 30. Thông báo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Quyết định/Chỉ thị của Chủ tịch HĐQT tới các Trưởng BKS và Ban Tổng Giám đốc để nắm thông tin, triển khai thực hiện các nội dung đã được HĐQT thông qua (nếu cần thiết).

CHƯƠNG 5.

BAN KIỂM SOÁT

Điều 31. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên

1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:

a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty.

b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.

3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 45, Điều 46 Điều lệ Công Ty.

4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

Điều 32. Thành phần, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn Kiểm soát viên

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có ba (03) thành viên. Các thành viên BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm, thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

Điều 33. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.

1. Các cổ đông, nhóm cổ đông đủ điều kiện ứng cử, đề cử thực hiện ứng cử, đề cử người vào Ban kiểm soát Công Ty theo quy định tại Điều lệ Công Ty.
2. Hội đồng quản trị gửi mẫu đơn ứng cử, đề cử được gửi cùng Thư mời họp ĐHĐCĐ hoặc đăng tải mẫu đơn ứng cử, đề cử trên website của Công Ty theo đúng thời hạn quy định.
3. Cổ đông đủ điều kiện ứng cử đề cử phải gửi Đơn ứng cử, đề cử và nhóm cổ đông phải gửi Biên bản họp nhóm cổ đông hợp lệ, Đơn đề cử cho Chủ tịch HĐQT/Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công Ty khi thực hiện các quyền của cổ đông, nhóm cổ đông đề cử, ứng cử người vào Ban kiểm soát theo quy định.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 34. Cách thức bầu Kiểm soát viên

1. Các thành viên BKS do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.
2. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên BKS, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên BKS được công bố tối thiểu bao gồm:
 - a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công Ty.
3. Trường hợp chưa xác định được trước ứng viên BKS, tại cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT phải thông báo danh sách ứng cử viên BKS cũng như các thông tin liên quan đến ứng viên BKS để ĐHĐCĐ có căn cứ lựa chọn, bầu các ứng viên vào BKS Công Ty.
4. Cách thức bầu cử thành viên BKS:
 - Bầu thành viên BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc hình thức khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông tại mỗi kỳ họp.
 - Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu:
 - + Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình để bầu cho một hoặc một số ứng viên BKS và đảm bảo số phiếu bầu cho các ứng viên không vượt quá tổng số phiếu bầu của mình.

- Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ và Quy chế này.

- Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công Ty.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 35. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.

2. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS phải có các nội dung cơ bản sau:

- Số lượng thành viên BKS miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm;
- Số lượng thành viên BKS bầu bổ sung;
- Điều kiện để trở thành thành viên BKS;
- Điều kiện ứng cử, đề cử thành viên BKS;
- Hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia thành viên BKS;
- Biểu mẫu ứng cử, đề cử ứng cử nếu tham BKS và thời hạn gửi hồ sơ ứng cử, đề cử ứng cử viên tham gia BKS.

Điều 37. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công Ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công Ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công Ty và cổ đông.

2. Trưởng BKS có nhiệm vụ lập kế hoạch của BKS phù hợp với các nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện việc kiểm tra thực hiện kế hoạch hàng tháng, quý, năm; có trách nhiệm báo cáo hoạt động của BKS trước ĐHĐCĐ.

3. Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công Ty, Điều 170, Điều 171, Điều 173 Luật doanh nghiệp và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

4. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần/năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên BKS. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

5. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

5. Ban kiểm soát có quyền tham dự, phát biểu, thảo luận tại các cuộc họp của HĐQT nhưng không được biểu quyết.

Điều 38. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc HĐQT để hỗ trợ các hoạt động của HĐQT bao gồm tiểu ban về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và bất kỳ lĩnh vực nào khác tại từng thời điểm.

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ yêu cầu thực tế của công việc và có tối thiểu 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên khác.

2. HĐQT quyết định chức năng, nhiệm vụ của tiểu ban và phê duyệt quyền hạn, trách nhiệm của từng thành viên trên cơ sở đề xuất của Trưởng tiểu ban. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

3. Việc thực thi quyết định của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

4 Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Điều 39. Nguyên tắc lựa chọn thành viên hoặc người phụ trách tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Thành viên của Tiểu ban phải có kiến thức hoặc kinh nghiệm về lĩnh vực tiểu ban nhận phụ trách.

2. Thành viên của Tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Việc lựa chọn thành viên bên ngoài phải đảm bảo nguyên tắc số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của Tiểu ban.

Điều 40. Người phụ trách quản trị Công Ty

1. Hội đồng quản trị của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

CHƯƠNG 6.

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 41. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao
2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định Công Ty;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Ký kết các giao dịch, hợp đồng theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.
 - j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.

4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 42. Các tiêu chuẩn lựa chọn, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công Ty.

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 64 Luật doanh nghiệp.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị theo thẩm quyền được quy định tại Điều lệ Công Ty, Công Ty được tuyển dụng cán bộ quản lý với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu do Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT quy định. Cán bộ quản lý phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. HĐQT/Chủ tịch HĐQT sẽ quy định các tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý Công Ty ngoài các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế này của Công Ty tại từng thời điểm để phù hợp với định hướng phát triển kinh doanh của Công Ty.

Điều 43. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc và người quản lý Công Ty

1. Hội đồng quản trị quyết định việc bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm không quá 05 năm và có thể được tái bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

2. HĐQT có thể miễn nhiệm TGD và bổ nhiệm TGD mới khi được đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký Hợp đồng lao động với người điều hành khác của Công Ty theo thẩm quyền của HĐQT hoặc Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

Điều 44. Các trường hợp cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc Công Ty

1. Tổng Giám đốc Công Ty bị cách chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc các trường hợp theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

2. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 45. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý

Công Ty phải thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý trong nội bộ Công Ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG 7.

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 46. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, Công ty con, Công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 47. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
2. Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT chấp thuận theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Công Ty và Điều 167 Luật Doanh nghiệp gồm:
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và những người liên quan của họ;
 - Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;
 - Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.
3. Các nội dung khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

CHƯƠNG 8.

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập họp giữa HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc Công Ty.

1. Ban Tổng Giám đốc tổ chức họp định kỳ hoặc bất thường theo yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công Ty.

2. Trong trường hợp cần có sự tham gia hợp của HĐQT và BKS, Tổng Giám đốc gửi Giấy mời họp tới Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban BKS để mời tham gia các cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc nhằm đưa ra quyết định, giải pháp giải quyết các vướng mắc của Ban Tổng Giám đốc.
3. Chủ tịch HĐQT chủ động phân công các thành viên HĐQT tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của HĐQT Công Ty.
4. Trưởng Ban kiểm soát chủ động phân công các thành viên BKS tham dự các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Ban Tổng Giám đốc tại bất kỳ thời điểm nào nếu thấy cần thiết để đảm bảo công tác quản lý, giám sát hoạt động của BKS Công Ty.
5. Cuộc họp của Ban Tổng Giám đốc được ghi biên bản (nếu cần thiết), lưu trữ biên bản họp cùng các tài liệu liên quan theo quy định của Công Ty.
6. Kết thúc cuộc họp, Tổng Giám đốc gửi biên bản cuộc họp tới các cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện, gửi Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, BKS tham gia họp để báo cáo.

Điều 49. Thông báo nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát hoặc Tổng Giám đốc.

Tất cả nghị quyết và biên bản của các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông sẽ được chuyển bản sao đến cho Ban Kiểm soát. Tổng Giám đốc (đối với các nội dung liên quan) trong vòng tối đa năm (05) ngày làm việc kể từ ngày họp HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

Điều 50. Các trường hợp Tổng giám đốc và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

1. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi Tổng Giám đốc và đa số thành viên Ban Kiểm soát đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị. Các vấn đề cần xin ý kiến phải thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, nếu thấy không cần thiết phải tiến hành họp, Hội đồng quản trị phải có văn bản trả lời, phân tích rõ lý do từ chối.
2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu trên phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 51. Chế độ báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT, BKS Công Ty.

1. Tổng Giám đốc phải báo cáo thường xuyên và kịp thời việc triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐQT, việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc phân công, ủy quyền của HĐQT/Chủ tịch HĐQT cho Tổng Giám đốc, gửi cho BKS nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của BKS. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công Ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh.
2. Tổng Giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công Ty và các phương án hoạt động, khắc phục thua lỗ, kém hiệu quả; cơ cấu tổ chức Công Ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lao động của Công Ty.
3. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Công Ty của Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách,

hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 52. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:

a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

b. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện dự án đầu tư, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

c. Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

d. Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định và (hoặc) phân cấp/thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

2. Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:

a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

b. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 53. Phối hợp công việc của Tổng Giám đốc và BKS Công Ty.

1. BKS triển khai thực hiện công tác kiểm tra, kiểm soát công tác quản lý, điều hành và các hoạt động kinh doanh của Công Ty theo định kỳ hoặc đột xuất tùy thuộc vào tình hình hoạt động của Công Ty.

2. Trưởng BKS thông báo Tổng Giám đốc về kế hoạch kiểm tra, nội dung kiểm tra và các yêu cầu có liên quan đối với mỗi đợt kiểm tra và gửi thông báo để HĐQT biết thông tin.

3. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tuân thủ và tạo điều kiện cho hoạt động của các thành viên BKS. Tổng Giám đốc phải chỉ đạo các cá nhân, phòng/ban/đơn vị trực thuộc Công Ty bố trí thời gian, nhân sự và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan theo yêu cầu của BKS.

4. Trong quá trình kiểm tra, Tổng Giám đốc và các phòng/ban/đơn vị trực thuộc Công Ty phải cung cấp hồ sơ, giải trình các nội dung theo yêu cầu của BKS. BKS có nghĩa vụ đảm bảo hoạt động kiểm tra không ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty.

5. Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, BKS lập biên bản kiểm tra và có kết luận về kết quả kiểm tra gửi Tổng Giám đốc, HĐQT để biết thông tin.

6. Căn cứ kết quả kiểm tra, BKS ban hành các quyết định, chỉ thị theo thẩm quyền phù hợp với quy định tại Điều lệ Công Ty để Tổng Giám đốc triển khai các công việc liên quan nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho Công Ty. Các văn bản này được gửi cho HĐQT để nắm thông tin và triển khai chi đạo, giám sát thực hiện nếu cần thiết.

CHƯƠNG 9.

ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, TGD VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC CỦA CÔNG TY

Điều 54. Quy định về việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công Ty và cổ đông.

Điều 55. Đánh giá hàng năm đối với thành viên HĐQT.

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên HĐQT đối với Công Ty trên cơ sở các công việc được Chủ tịch HĐQT giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.
2. Chủ tịch HĐQT quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên HĐQT theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Công Ty.
3. Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

Điều 56. Đánh giá hàng năm đối với thành viên BKS

1. Trưởng Ban Kiểm soát quyết định việc đánh giá năng lực, mức độ hoàn thành công việc, đóng góp của các thành viên BKS đối với Công Ty trên cơ sở các công việc được Trưởng BKS giao, phân công, ủy quyền thực hiện trong năm.
2. Trưởng BKS quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với từng thành viên BKS theo thẩm quyền phù hợp với quy định của Công Ty.
3. Báo cáo kết quả hoạt động của BKS trình Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua.

Điều 57. Đánh giá hàng năm đối với Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công Ty.

1. Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công Ty thực hiện đánh giá hàng tháng, hàng quý, hàng năm theo quy định của Công Ty.
2. Chủ tịch HĐQT phê duyệt kết quả đánh giá của Tổng Giám đốc, người quản lý khác của Công Ty theo thẩm quyền quyết định tại Điều lệ Công Ty và quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với TGD, người quản lý khác của Công Ty trên cơ sở kết quả kinh doanh đạt được, mức độ hoàn thành kế hoạch ngân sách năm đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và báo cáo đánh giá của BKS về kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG 10.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị của Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do HĐQT xây dựng, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với quy định của pháp luật về Điều lệ Công Ty.
2. Trong trường hợp những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được quy định trong Quy chế này hoặc trường hợp pháp luật có quy định mới khác với quy định tại Quy chế thì áp dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 59. Hiệu lực

Quy chế sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất này gồm 10 chương, 59 điều được ĐHCĐ Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An thông qua ngày ... thángnăm 2021.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

PHỤ LỤC

NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

(Đính kèm Tờ trình số .../2021/TT- HĐQT ngày .../.../2021 của HĐQT Công ty cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An)

* Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung đã sắp xếp lại các điều khoản và điều chỉnh lại cấu trúc phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 3/12/2020 và áp dụng theo Quy chế quản trị nội bộ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn áp dụng một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 3/12/2020 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.



STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	Bổ sung đối tượng áp dụng
2.	Không quy định	Điều 4. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông. 1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. 2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau: 2.1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm; b) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; c) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên; d) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; đ) Kế hoạch kinh doanh hàng năm; e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;	Bổ sung theo quy định Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền</p> <p>2.2 Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;</p> <p>đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách Công Ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công Ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	
3.	Không quy định	Điều 5. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung phù hợp quy định Điều 140 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công Ty và theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Hội đồng quản trị thông qua kế hoạch họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường của Công Ty và ngày chốt danh sách cổ đông để tổ chức họp ĐHĐCĐ.</p>	
4.	<p>Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.</p>	<p>Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm chậm nhất 21 (hai mươi một) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư); đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.</p>	Sửa đổi phù hợp với Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020
5.	<p>Không có quy định</p>	<p>Điều 9. Điều kiện tiến hành họp và hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba</p>	Bổ sung phù hợp với Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>2. Hình thức thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định Điều 23, 24 Điều lệ Công Ty.</p>	
6.	<p>Điều 7. Cách thức bỏ phiếu</p>	<p>Điều 10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <p>3. Các cách thức bỏ phiếu biểu quyết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giờ Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giờ hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp cổ đông không giờ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tân thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề hoặc giờ Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tân thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giờ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tân thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ. - Biểu quyết bằng hình thức thu Thẻ biểu quyết (trong trường hợp sử dụng Thẻ biểu quyết đối với các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua để làm căn cứ ban hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông): Cổ đông điền vào Thẻ biểu quyết, đối với từng nội dung cổ đông chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, cổ đông gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và 	<p>Bổ sung khoản 3 về các cách thức bỏ phiếu biểu quyết.</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
7.	<p>Điều 11. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i. Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p>	<p>ghi rõ họ tên của đại biểu.</p> <p>- Bộ phiếu điện tử: được thực hiện theo quy định tại Quy định bỏ phiếu điện tử tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (nếu có).</p> <p>Điều 14. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu thấy cần thiết) và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.</p> <p><u>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</u></p>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020
8.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 17. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hình thức họp hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác</p> <p>1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến hoặc hình thức khác.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục họp họp Đại hội đồng cổ đông bằng một trong các hình thức trên được thực hiện theo quy chế tổ chức họp tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông đó.</p>	
9.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền</p>	Bổ sung phù hợp Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:</p> <p>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, Quy chế Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua,;</p> <p>s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p>	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
10.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 19. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban Tổng giám đốc, người quản lý, người điều hành các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.</p> <p>2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Bổ sung phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020</p>
11.	<p>Điều 18. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 3 Điều 28 Điều lệ Công Ty và theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị: theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Điều lệ Công Ty và theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Các trường hợp bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại thấp hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện.</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>Bổ sung thêm quy định về bầu bổ sung thành viên HĐQT</p>
12.	<p>Điều 19. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 25. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 phù hợp với thời hạn gửi thông báo mời họp</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>1. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định khác.</p>	<p>HĐQT được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước 21 (hai mươi một) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định khác.</p>	<p>cho cổ đông theo Điều 143 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
13.	<p>Điều 22. Cách thức biểu quyết và thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Mỗi thành viên HĐQT tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này</p>	<p>Điều 28. Cách thức biểu quyết và thông qua Quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 32 Điều lệ Công Ty;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</p> <p>6. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>Bổ sung khoản 1, khoản 6 phù hợp quy định tại Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020</p>
14.	<p>Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Điều 29. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>1. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi đầy đủ vào sổ biên bản. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng Anh (nếu cần thiết) phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT/Chủ tọa cuộc họp và Thư ký ghi biên bản. Trong trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 158 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
15.	<p>Không quy định</p>	<p>quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Các nội dung Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị tuân thủ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.</p> <p>Điều 31. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của Kiểm soát viên</p> <p>1. Vai trò của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát:</p> <p>a) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty.</p> <p>b) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p> <p>c) Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>d) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.</p> <p>đ) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>e) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Bổ sung phù hợp Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>g) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p> <p>h) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.</p> <p>i) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.</p> <p>j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.</p> <p>3. Trách nhiệm của Kiểm soát viên thực hiện theo quy định tại Điều 46, Điều 46 Điều lệ Công Ty.</p> <p>4. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.</p>	
16.	<p>Điều 29. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.</p> <p>1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước mười (10) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.</p>	<p>Điều 36. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>1. Thông báo bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS được gửi cho các cổ đông có quyền dự họp ít nhất trước hai mươi một (21) ngày kể từ ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, được gửi cùng Thư mời họp và các tài liệu Đại hội.</p>	Sửa đổi khoản 1 phù hợp với quy định về thông báo mời họp theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020.
17.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 40. Người phụ trách quản trị Công Ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư</p>	Bổ sung theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p>	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
18.	<p>Không quy định</p>	<p>Điều 41. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc</p> <p>1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:</p> <p>a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định Công Ty;</p> <p>b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;</p> <p>d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;</p> <p>đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch HĐQT;</p> <p>e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;</p> <p>g) Tuyên dụng lao động;</p> <p>h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p>	<p>Bổ sung theo quy định điều 162 Luật Doanh nghiệp 2020 và thực tế tại Công Ty.</p>

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
19.	Điều 38. Giao dịch với người có liên quan	<p>1) Ký kết các giao dịch, hợp đồng theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p> <p>3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.</p> <p>4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	Bổ sung thêm quy định này để phù hợp với quy định tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP
20.	Không quy định	<p>Điều 47. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, Công ty con, Công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>Điều 52. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</p> <p>1. Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp</p>	Đề nghị sửa theo mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;</p> <p>b. Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị tình hình thực hiện dự án đầu tư, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</p> <p>c. Tổng Giám đốc điều hành có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.</p> <p>d. Các nội dung khác theo quy định tại Điều lệ, quy chế, quy định và (hoặc) phân cấp/thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.</p> <p>Các nội dung khác cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Hội đồng quản trị sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.</p> <p>2. Cách thức thông báo cho Ban kiểm soát:</p> <p>a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với Ban kiểm soát nhằm đảm bảo Ban kiểm soát thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p> <p>b. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.</p>	
21.	Không quy định	Điều 54. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên	

STT	Nội dung tại Quy chế nội bộ về quản trị hiện hành	Nội dung Quy chế sửa đổi, bổ sung	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác</p> <p>1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và người điều hành khác.</p> <p>2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công Ty và cổ đông.</p>	
22.	<p>Điều 49. Hiệu lực</p> <p>Quy chế này gồm 10 chương 49 điều được ĐHDCĐ Công ty CP Dược – Vật tư Y tế Nghệ An thông qua ngày 04 tháng 05 năm 2018.</p>	<p>Điều 59. Hiệu lực thi hành</p> <p>Quy chế sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất này gồm 10 chương, 59 điều được ĐHDCĐ Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An thông qua ngày ... thángnăm 2021.</p>	Sửa đổi để cập nhật các chương, điều của Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi, bổ sung

DỰ THẢO



Nghệ An, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công Ty áp dụng đối với Công Ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An (“Công Ty”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày ... tháng ... năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công Ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Phòng, ban, đơn vị trực thuộc và toàn thể cán bộ nhân viên Công Ty.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công Ty.

Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công Ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công Ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công Ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công Ty, Công ty con Công ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công Ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công Ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công Ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của đơn vị trong Công Ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công Ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 (ba) đến 11 (mười một) thành viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị tại từng thời kỳ.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công Ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công Ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Công Ty quy định pháp luật.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công Ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh: Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán của Chi nhánh/Nhà máy/Trung tâm; Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị trong Công Ty và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ.
 - g) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công Ty, trừ những hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;
 - h) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty.
 - i) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích của Công Ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị quy định tại Luật Doanh nghiệp.
 - j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng không có khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các

thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm ít nhất 01 người làm Thư ký Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Thư ký Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- d) Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công Ty và pháp luật.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Điều lệ, cụ thể như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho Công Ty biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và/hoặc các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Công Ty cơ chế của Công Ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công Ty.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công Ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công Ty;
- g) Công Ty có trách nhiệm công bố Thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định về công bố thông tin.

Chương III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị sửa đổi, bổ sung của Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

2. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty. Hình thức họp cụ thể do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với tình hình thực tế. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công Ty gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên không tán thành nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công Ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất giữa Công Ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công Ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công Ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do

và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công Ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công Ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

f) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và bất kỳ lĩnh vực nào khác của Công Ty tại từng thời điểm. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công Ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty.

Chương IV
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công Ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công Ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức liên lạc điện thoại.

10. Hình thức cuộc họp được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ của Công Ty.

11. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

13. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- g) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- h) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- i) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- k) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công Ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công Ty.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Công Ty Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công Ty phải kê khai cho Công Ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
2. Tổng Giám đốc phải báo cáo thường xuyên và kịp thời việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc phân công, ủy quyền của Hội đồng quản trị /Chủ tịch Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc, gửi cho Ban kiểm soát nếu cần thiết hoặc theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho Công Ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh.
3. Tổng giám đốc phải báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công Ty và các phương án hoạt động, khắc phục thua lỗ, kém hiệu quả; cơ cấu tổ chức Tổng Công ty.
4. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Công Ty của Tổng Giám đốc khi xét thấy cần thiết. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế, chính sách, hướng phát triển trung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- 1.. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Tất cả nghị quyết và biên bản của các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội cổ đông sẽ được chuyển bản sao đến cho Ban Kiểm soát trong vòng tối đa năm (07) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An bao gồm 7 chương, 23 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

DỰ THẢO



Nghệ An, ngày ... tháng ... năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm 2021

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát Công Ty. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho Công Ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Thông báo của Công Ty về việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát;

b) Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công Ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công Ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 40 Điều lệ Công Ty

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác

của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện

công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

BÙI THỊ THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**ĐIỀU LỆ**
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN

Tên Tiếng Anh: NGHE AN MEDICAL MATERIALS PHARMA CEUTICAL J.S. Co

Tên viết tắt: DNA PHARMA

Địa chỉ: Số 16 – Nguyễn Thị Minh Khai – TP Vinh – Tỉnh Nghệ An

Điện thoại : (84-238) 3842941

Fax : (84-238) 3848720

E-mail: dna@dnapharma.com.vn

Nghệ An, tháng ... năm 2021

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung lần thứ mười một và được Đại hội đồng cổ đông thông qua... ngày ... tháng ... năm 2021

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Công Ty* là Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An;
 - b) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công Ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - c) *Vốn có quyền biểu quyết* là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - đ) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - n) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công Ty

1. Tên Công Ty

- Tên Công Ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC – VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN
- Tên Công Ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGHE AN MEDICAL MATERIALS PHARMA CEUTICAL J.S.Co
- Tên Công Ty viết tắt: DNA PHARMA

2. Công Ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công Ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: số 16 – Nguyễn Thị Minh Khai – TP Vinh – Tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: (84-238) 3842941
- Fax: (84-238) 3848720
- E-mail: dna@dnapharma.com.vn
- Website: <http://dnapharma.com.vn>

4. Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

1. Công Ty có 01 người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công Ty;

2. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty là cá nhân đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh tại Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

CHƯƠNG II. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty

I. Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành nghề
1	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị y tế	4659
2	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn thuốc chữa bệnh, hoá dược, dược liệu, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, Mua bán mỹ phẩm, chất tẩy rửa dùng cho người	4649
3	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ	5510
4	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn dịch vụ khoa học kỹ thuật chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y dược; tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất dược phẩm mỹ phẩm; pha chế thuốc theo đơn.	7490
5	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
6	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trong các cửa hàng chuyên doanh, nhà thuốc, quầy thuốc	4632
7	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh nguyên phụ liệu làm thuốc, các sản phẩm thuốc, hóa chất, dược liệu	4669
8	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Kinh doanh nhà thuốc, quầy thuốc.	4772
9	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trong các cửa hàng chuyên doanh, nhà thuốc, quầy thuốc	4722
10	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
11	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất	6810
13	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
14	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh Chi tiết: Sản xuất rượu	1101

15	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất đồ uống không cồn	1104
16	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Bán buôn rượu, bia, nước giải khát	4633
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Kinh doanh nhà hàng ăn uống	5610
18	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
19	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, thực phẩm chức năng, thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, hóa dược, dược liệu, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc, chế biến dược liệu	2100 (Chính)

2. Mục tiêu hoạt động của Công Ty:

Mục tiêu hoạt động của Công Ty là không ngừng phát triển trong các lĩnh vực hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công Ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước và phát triển Công Ty ngày càng lớn mạnh.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty

1. Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công Ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
2. Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty quyết định sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và đăng ký theo quy định của pháp luật để đáp ứng yêu cầu thực tế của Công Ty tại từng thời điểm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất.

CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công Ty là **60.000.000.000 đồng** (bằng chữ: Sáu mươi tỷ đồng chẵn)
Tổng số vốn điều lệ của Công Ty được chia thành 6.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công Ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là các cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 14, Điều 15 Điều lệ này.

4. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công Ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của Công Ty được cấp cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công Ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới..

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ Trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thừa kế cổ phần

1. Trường hợp cổ đông qua đời, số cổ phần sở hữu của cổ đông đã mất được định đoạt theo quy định của pháp luật thừa kế. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo Pháp luật.

2. Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới kế thừa quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của Tổng Công ty và các văn bản pháp lý đó và có văn bản từ người đại diện (nếu có).

3. Người kế thừa hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới, được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được thừa kế, nhưng người thừa kế quyền sở hữu cổ phần đó không được đương nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh quản lý tương ứng khác trong Tổng Công ty của cổ đông mà họ thừa kế.

4. Trường hợp cổ đông qua đời mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì cổ phần mà họ sở hữu sẽ được xử lý theo quy định của pháp luật.

5. Khi được quyền sở hữu hoặc thừa kế hợp pháp, cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ kế thừa sau khi đã được ghi vào Sổ đăng ký cổ đông.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công Ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty và theo yêu cầu của cổ đông

1. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty

Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần loại khác đã bán theo quy định sau đây:

- a) Việc mua lại hơn 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại thì do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do HĐQT quyết định.
- b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại mục c Khoản này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công Ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;
- c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên và trụ sở của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công Ty. Cổ đông phải gửi chào bán cổ phần của mình đến Công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Công ty thông báo.

2. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công Ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày ĐHCĐ thông qua quyết định về các vấn đề nêu tại khoản này.
- b) Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại mục a Khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định trong một quy chế riêng của Công ty trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 của Điều này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác.

- b) Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Luật Doanh nghiệp thì tất cả cổ đông phải hoàn trả cho Công ty số tiền hoặc tài sản khác đã nhận. Trường hợp có cổ đông không hoàn trả được cho Công ty thì cổ đông đó và thành viên HĐQT phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về nợ của Công ty.
- c) Tất cả các cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán trong số cổ phần được quyền chào bán.
- d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo điều đó cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết cổ phần mua lại.

CHƯƠNG IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

- 1. Đại hội đồng cổ đông.
- 2. Hội đồng quản trị.
- 3. Ban kiểm soát.
- 3. Tổng Giám đốc.

MỤC 1. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

- 1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
- 2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty;

h) Yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên Công Ty có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Công Ty. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Công Ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho Công Ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Thông báo của Công Ty về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

b) Các cổ đông phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên

c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát và/hoặc các cổ đông khác đề cử. Thủ tục Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Cung cấp chính xác, đầy đủ thông tin địa chỉ cho Công Ty khi đăng ký mua cổ phần và/hoặc khi thay đổi thông tin địa chỉ.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ Công Ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công Ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công Ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công Ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công Ty.

8. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công Ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công Ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e) Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp; dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên; chuẩn bị tài liệu; xác định thời gian và địa điểm họp; gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản liên quan; các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Số lượng thành viên, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;

- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công Ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất;
- o) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 15 Điều lệ này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự, theo mẫu quy định của Công Ty và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp bên ủy quyền và/hoặc bên nhận ủy quyền là tổ chức thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 20, 21 và 22 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 22. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám

sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công Ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công Ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành :
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5 Điều này.
4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
5. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

Điều 24. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ lúc nào và bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

d) Các quy định khác theo Thông báo của Công Ty tại thời điểm gửi phiếu lấy ý kiến cổ đông.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 20 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

MỤC 2. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công Ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công Ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công Ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công Ty và các bên có liên quan của Công Ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo mẫu của Công Ty;
 - g) Công Ty có trách nhiệm công bố thông tin về các Công Ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công Ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công Ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do Công Ty quy định. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp .

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị có tối thiểu là 03 đến 11 thành viên. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời kỳ.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công Ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công Ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định:

a) ĐHĐCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:

- Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- Có đơn từ chức;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) ĐHĐCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây:

- Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c) Khi xét thấy cần thiết, ĐHĐCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.

Điều 29. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công Ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công Ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác theo quyết định của Hội đồng quản trị tại từng thời điểm; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công Ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập Công Ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công Ty; yêu cầu phá sản Công Ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 30. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công Ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công Ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công Ty.

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh: Ban Giám đốc, Kế toán trưởng/Phụ trách Kế toán của Chi nhánh/Nhà máy/Trung tâm; Trưởng/Phó Phòng/Ban/đơn vị trong Công Ty và người quản lý khác theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ.

f) Quyết định việc ký kết, thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công Ty, trừ những hợp đồng thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;

g) Thành lập và quyết định tổ chức hoạt động của Hội đồng lương thưởng và các vấn đề có liên quan;

h) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công Ty.

i) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích của Công Ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này

j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng không có khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công Ty.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công Ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Ngh. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trước khi khai mạc. Phiếu bị.

Điều 33. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro hoặc bất kỳ lĩnh vực nào khác tại từng thời điểm. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định y.

Điều 35. Người phụ trách quản trị Công Ty

1. Hội đồng quản trị của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.

MỤC 3. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 36. Tổ chức bộ máy quản lý

Bộ máy quản lý của Công Ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Bộ máy quản lý của Công Ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 37. Người điều hành của Công Ty

1. Người điều hành Công Ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định tại từng thời điểm.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công Ty được tuyển dụng người điều hành với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công Ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 38. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Công Ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo phân cấp/ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ, quy chế, quy định của Công Ty;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;

- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng quản trị ;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.
5. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo phân cấp/ủy quyền, theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công Ty, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.
6. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
7. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế.

MỤC 4. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Điều 27 Điều lệ này.

Điều 40. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công Ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Công Ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 41. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty .
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công Ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm quy định Công Ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Công Ty.

Điều 43. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự cuộc họp Ban kiểm soát ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 44. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty.

MỤC 5. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công Ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty con, Công Ty khác do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công Ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Những chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 47. Các hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ, HĐQT chấp thuận

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với người có liên quan sau đây:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và người có liên quan của họ;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

c. Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được

thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a. Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công Ty ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất giữa Công Ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công Ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

8. Giao dịch giữa Công Ty với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này phải phù hợp quy định tại Điều 293 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG V. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG, CÔNG ĐOÀN

Điều 48. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công Ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện (bản gốc hoặc bản sao chứng thực của giấy ủy quyền); giấy uỷ quyền được thực hiện theo mẫu của Công Ty (nếu có).

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công Ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công Ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

Điều 49. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, chấm dứt hợp đồng lao động, chính sách về tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và những người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN

Điều 50. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.

2. Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công Ty chứng khoán hoặc Tổng Công Ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Tài khoản ngân hàng

1. Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 52. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

Điều 53. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.

3. Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 54. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công Ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công Ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty.
3. Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 55. Báo cáo thường niên

Công Ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 56. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một Công Ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công Ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công Ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình các báo cáo đó cho Hội đồng quản trị. Thời hạn lập báo cáo phải phù hợp với quy định của pháp luật về báo cáo tài chính. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

Điều 57. Dấu của Công Ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công Ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII. GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ CÔNG TY

Điều 58. Giải thể Công Ty

1. Công Ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công Ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 59. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 Công Ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công Ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công Ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công Ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

Điều 61. Điều lệ Công Ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định mới của pháp luật khác với điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ mười một này gồm 8 chương, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An thông qua ngày tháng năm 2021 tại Nghệ An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Đại diện theo pháp luật của Công Ty

PHỤ LỤC

**SƠ SÁNH ĐIỀU LỆ TỐ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ NGHỆ AN**

(Đính kèm Tờ trình số .../2021/TT-HĐQT ngày .../.../2021 của HĐQT Công ty Cổ phần Dược - Vật tư y tế Nghệ An)

Điều lệ sửa đổi, bổ sung đã sắp xếp lại thứ tự, vị trí các điều khoản và điều chỉnh lại câu từ cho phù hợp với quy định Luật Doanh nghiệp 2020, Luật chứng khoán 2019, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và áp dụng theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC của Bộ tài chính hướng dẫn áp dụng một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
1.	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp hoặc cam kết góp trong một thời gian nhất định và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p> <p>d. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán;</p> <p>e. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của DNA PHARMA;</p> <p>f. "Cổ phần" được hiểu là các phần được chia đều nhau từ Vốn điều lệ của Công Ty.</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) Công Ty là Công ty Cổ phần Dược - Vật tư Y tế Nghệ An;</p> <p>b) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập Công Ty và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>c) Vốn có quyền biểu quyết là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>đ) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>e) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung các thuật ngữ tại khoản 1 phù hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
2.	<p>g. “Cổ đông” được hiểu là cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của Công Ty.</p> <p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công Ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty</p> <p>a. Sản xuất kinh doanh Dược, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, trang thiết bị y tế, vacxin và sinh phẩm y tế.</p> <p>b. Xuất nhập khẩu Dược, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế.</p> <p>c. Kinh doanh các nghề khác trong phạm vi đăng ký và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>d. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và cho thuê văn phòng</p>	<p>g) <i>Người điều hành doanh nghiệp</i> là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;</p> <p>h) <i>Người quản lý doanh nghiệp</i> là người quản lý Công Ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác do HĐQT quyết định tại từng thời điểm;</p> <p>i) <i>Người có liên quan</i> là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>k) <i>Cổ đông</i> là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công Ty;</p> <p>m) <i>Cổ đông lớn</i> là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>n) <i>Sở giao dịch chứng khoán</i> là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.</p> <p>Điều 4: Mục tiêu hoạt động của Công Ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công Ty: (<i>Ngành nghề kinh doanh cụ thể đã được đăng ký của Công ty và được công bố trên công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp</i>)</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 Điều 4 để cập nhật cụ thể ngành nghề và mã ngành, nghề kinh doanh hiện tại của Công Ty</p>
3.	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty</p>	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công Ty</p> <p>2. Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công Ty quyết định sửa</p>	<p>Sửa đổi Khoản 2 Điều 5 để phù hợp với nhu cầu mở rộng, sửa đổi, bổ sung các ngành</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
2.	<p>Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh và đăng ký theo quy định của pháp luật để đáp ứng yêu cầu thực tế của Công Ty tại từng thời điểm và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại kỳ họp gần nhất.</p>	<p>nghề kinh doanh của Công Ty tại từng thời điểm</p>
4.	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>“...5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công Ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</p> <p>7. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <i>Cổ phần do Công Ty mua lại trở thành cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.</i></p> <p>8. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.”</p>	<p>Điều 6: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>“...5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công Ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.”</p>	<p>Sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 124 Luật Doanh nghiệp</p>
5.	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 27 và Điều 38 Điều lệ này;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi:</p>	<p>Điều 14. Quyền của cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên Công Ty có các quyền sau:</p> <p>a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông</p>	<p>- Sửa đổi các quyền đối với cổ đông sở hữu từ 5% hoặc 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên của Công ty theo quy định Điều 115 LDN 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</p> <p>c. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ đông của từng cổ đông, tổng số cổ phần của nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Công Ty. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Công Ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công Ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Các cổ đông phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử</p>	<p>qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công Ty;</p> <p>c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc Công Ty. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</p> <p>đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Công Ty. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện theo quy định đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho Công Ty trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Các cổ đông phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử</p>	

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
6.	<p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của HĐQT, Cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không được quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công Ty có thể mời đại diện Công Ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên</p> <p>c) Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử, ứng cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, ứng cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và/hoặc Ban kiểm soát và/hoặc các cổ đông khác đề cử. Thủ tục Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định.</p> <p>Điều 16. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công Ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công Ty.</p>	<p>Sửa đổi K1.2 phù hợp quy định Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2020 và ND 155/2020/NĐ-CP</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
7.	<p>Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>...</p> <p>o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công Ty;</p> <p>...</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công Ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Công Ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công Ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>p) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp quy định tại Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 và ND 155/2020/NĐ-CP</p>
8.	<p>Điều 19. Thay đổi các quyền</p> <p>“1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữbiểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên”.</p>	<p>Điều 19. Thay đổi các quyền</p> <p>“1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi cùng loại trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản”.</p>	<p>Sửa đổi khoản 1 phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
9.	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a. Thông báo chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông phải được công bố tối thiểu 20 ngày trước ngày chốt danh sách cổ đông.</p> <p>b. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>...</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền tham dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</p>	<p>Điều 20. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công Ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>...</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp quy định tại Điều 141, 143 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c) Phiếu biểu quyết;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
10.	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Điều 21. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 145 Luật Doanh nghiệp 2020.
11.	<p>Điều 23. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp hoặc phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ; loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chỉ nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tán thành.</p>	<p>Điều 23. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành :</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công Ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công Ty;</p> <p>3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2, 4, 5 Điều này và khoản 8 Điều 22 Điều lệ.</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 148 Luật Doanh nghiệp

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</p>	<p>4. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp hoặc một phương thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>5. Nghị quyết của ĐHQĐ về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</p> <p>6. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.</p> <p>7. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công Ty.</p>	
12.	<p>Điều 25. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi Biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (nếu thành phần cuộc họp có người nước ngoài) và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>d) Họ, tên, chủ tọa và thư ký.</p> <p>i) Chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.</p>	<p>Điều 25. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 150 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
13.	<p>Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số phiếu biểu quyết đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>Điều 27. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công Ty.</p>	Sửa đổi, phù hợp Điều 115 Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định tại Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP
14.	<p>Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: TỔNG SỐ THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PHẢI CHIẾM ÍT NHẤT MỘT PHẦN BA (1/3) TỔNG SỐ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; b. Có đơn từ chức; c. Bị rớt tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: TỐI THIỂU 1/3 TỔNG SỐ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LÀ THÀNH VIÊN KHÔNG ĐIỀU HÀNH. CÔNG TY HẠN CHẾ TỐI ĐA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM NHIỆM CHỨC DANH ĐIỀU HÀNH CỦA CÔNG TY ĐỂ ĐẢM BẢO TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định: a) ĐHCĐ miễn nhiệm thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây: - Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp; - Có đơn từ chức; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này b) ĐHCĐ bãi nhiệm thành viên HĐQT trong các trường hợp sau đây: - Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 160 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
	<p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này c) Khi xét thấy cần thiết, ĐHCĐ quyết định thay thế thành viên HĐQT; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT ngoài trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 4 Điều này.</p>	
15.	<p><i>Không quy định</i></p>	<p>Điều 35. Người phụ trách quản trị Công Ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công Ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ công tác quản trị Công Ty. Người phụ trách quản trị Công Ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công Ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công Ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị Công Ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông;</p> <p>b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;</p> <p>c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;</p> <p>d) Tham dự các cuộc họp;</p> <p>đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty;</p> <p>h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
		<p>i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty;</p> <p>k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công Ty.</p>	
16.	<p>Điều 38. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công Ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Cơ chế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>Điều 39. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị tại Điều 27 Điều lệ này.</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 285 ND 155/2020/ND-CP
17.	<p>Điều 40. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty;</p> <p>.....</p> <p>f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p> <p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của</p>	Bổ sung theo quy định tại ND 155/2020/ND-CP

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung
18.	Chưa có quy định	<p>Điều 46. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p> <p>2. Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công Ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công Ty, hành động trung thực, cần trọng vì lợi ích của Công Ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p> <p>3. Những chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.</p>	
19.	<p>Điều 57. Gia hạn hoạt động</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động</p>	<p><i>Hủy bỏ</i></p>	<p>Bỏ do thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn, trừ trường hợp giải thể</p>

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Căn cứ sửa đổi, bổ sung theo quy định pháp luật
20.	<p>để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công Ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Điều 61. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 61 điều được Đại hội đồng cổ đông Công Ty cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An nhất trí thông qua ngày 15 tháng 12 năm 2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành mười (06) bản, có giá trị như nhau, được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty và nộp cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 62. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ mười một này gồm 8 chương, 62 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dược – Vật tư Y tế Nghệ An thông qua ngàytháng năm 2021 tại Nghệ An và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ này được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công Ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công Ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi cập nhật các điều khoản theo điều lệ sửa đổi, bổ sung